

Bản án số: **54/2018/HC-PT**

Ngày 09-5-2018

*V/v “Khiếu kiện quyết định hành chính,
hành vi hành chính về thu hồi, bồi
thường khi nhà nước thu hồi đất”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Tấn Trường**

Các Thẩm phán: Ông **Lê Phước Thanh**

Ông **Nguyễn Xuân Điền**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thanh Thủy** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Lê Ra** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hành chính thụ lý số: 206/2018/TLPT-HC ngày 15 tháng 8 năm 2018 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về thu hồi, bồi thường khi nhà nước thu hồi đất*”, do Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2018/HC-ST ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk có kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 284/2019/QĐ-PT ngày 04/4/2019, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà **Hồ Thị B**: sinh năm 1953

Trú tại: 57 Đường A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (có mặt). -

Người bị kiện:

1/ Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: số 31 Đường L, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo pháp luật của UBND huyện E: Ông **Nguyễn Văn Đ**, chức vụ: Chủ tịch; Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Đình Toàn**, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện E (Theo giấy ủy quyền số 112/UQ-UBND ngày 20/11/2017 của UBND huyện E) (có đơn yêu cầu xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện E:

1. Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1972 - Chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện E (có mặt).

2. Ông **Đinh Tiến D1**, sinh năm 1968 - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E (có mặt).

3. Ông **Nguyễn Tất D1** - Chức vụ; Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện E (vắng mặt).

2/ Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: Đường T, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo pháp luật của Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E: Ông **Đinh Tiến D1**, chức vụ: Giám đốc chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Hồ Thị B trình bày:

Vào ngày 20/01/1990, tôi có mua của ông Y M (hiện nay đã chết) một lô đất thổ cư có diện tích 776,49m². Tuy nhiên, lúc bàn giao đất chỉ lấy gang tay đo làm chuẩn nên số liệu không chính xác. ông Y M có giao hẹn trong giấy sang nhượng đất là toàn bộ đất trước mặt tiền giao hết cho tôi làm nhà ở. Hiện nay, trên thực địa sử dụng đất của gia đình tôi đã cắm cột mốc ranh giới rõ ràng và không có tranh chấp với ai.

Năm 2010 Nhà nước có chính sách nâng cấp đường A - Đường L. Theo đó UBND huyện E đã lập biên bản thu hồi 320,7m² đất của gia đình tôi để mở rộng diện tích đường, Nhưng UBND huyện E lại ban hành quyết định thu hồi 271m² đất. Như vậy, diện tích đất thu hồi theo Quyết định của UBND huyện E ban hành so với diện tích đất thu hồi trên thực tế thiếu 49,7m². Mặt khác UBND huyện E không giao Quyết định thu hồi đất cho tôi là không đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

Kèm theo quyết định thu hồi đất, Chi nhánh trung tâm phát triển quỹ đất huyện E cũng lập phương án chi tiết số 175/PA-TTPTQĐ về việc bồi thường. Ngày 26/7/2012 UBND huyện E ban hành Quyết định số 1367/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường đã không bồi thường căn nhà ván cấp 4, có diện tích 113,6m² (nhà có 130 tấm ván, xây 4 gian), bồi thường giá đất 2.200.000đ/m² là không đúng vì đất của gia đình tôi là đất ở đô thị loại 5, theo giá đất hiện hành là 15.000.000đ/m² hoặc 200.000.000đ/m ngang. Mặt khác, Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường được lập vào năm 2012 nhưng cho đến nay Trung tâm phát triển quỹ đất chưa giao các quyết định trên và không chi tiền bồi thường cho gia đình tôi là vi phạm quy

định của pháp luật.

Vì những lý do trên, tôi làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án hủy Quyết định 2367/QĐ-UBND ngày 21/11/2011 của UBND huyện E (được viết tắt là Quyết định 2367) và Quyết định 1376/QĐ-UBND ngày 26/7/2012 của UBND huyện E (được viết tắt là Quyết định 1367) đồng thời buộc UBND huyện E ban hành quyết định thu hồi đất và thực hiện phương án bồi thường diện tích đất và tài sản có trên đất bị thu hồi theo đúng quy định pháp luật. Yêu cầu Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E thực hiện việc chi trả tiền bồi thường và tiền lãi chậm trả kể từ ngày có phương án bồi thường đất và tài sản trên đất bị thu hồi của tôi theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, ông Nguyễn Đình Toàn trình bày:

Trên cơ sở quyết định 429/QĐ-UBND ngày 25/02/2009 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Mở rộng nâng cấp đường A - Đường L, thị trấn E thì UBND huyện đã giao các cơ quan chức năng thực hiện công tác thu hồi, bồi thường giải phóng mặt bằng để thi công công trình, cụ thể:

Ngày 25/10/2009, UBND thị trấn có Thông báo số 22/TB-UBND về việc không lấn chiếm, coi nới và làm mới các công trình vào phạm vi giải tỏa để làm đường L và Đường A, thị trấn E, huyện E.

Ngày 02/6/2010, hộ bà Hồ Thị B lập bản tự kê khai đất đai, vật, kiến trúc, cây cối, hoa màu trên đất thu hồi để xây dựng công trình đường A - Đường L, thị trấn E, huyện E.

Ngày 05/9/2011, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E (nay là Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E) và các Cơ quan chức năng đã phối hợp với hộ bà Hồ Thị B lập biên bản phúc tra về đất đai, vật, kiến trúc, cây cối, hoa màu trên đất để xây dựng công trình đường A - Đường L, thị trấn E, huyện E.

Ngày 21/11/2011, UBND huyện E ban hành Quyết định 2367/QĐ-UBND về thu hồi 271 m² tại thửa đất số 19 tờ bản đồ số 02 (kèm theo bản đồ địa chính bồi thường giải phóng mặt bằng của hộ bà Bùi Thị B để xây dựng công trình đường A - Đường L, thị trấn E, huyện E).

Trên cơ sở kết quả kê khai, kiểm đếm về đất đai, vật, kiến trúc, cây cối, hoa màu trên đất thu hồi, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E đã lập phương án bồi thường chi tiết cho hộ bà Hồ Thị B cùng với 48 hộ dân có đất bị thu hồi để xây dựng công trình đường A - Đường L, thị trấn Ea Sup, huyện E. Phương án bồi thường đã được công khai và trình Hội đồng thẩm định Phương án theo quy định.

Sau khi phương án bồi thường được thẩm định, ngày 26/7/2012, UBND huyện E ban hành quyết định 1376/QĐ-UBND huyện E về việc phê duyệt phương án bồi thường chi tiết của 49 hộ có đất bị thu hồi để xây dựng công trình đường A - Đường L, thị trấn E, huyện E. Hộ bà Hồ Thị B được bồi thường 740.837.000đ, trong đó: Bồi thường về đất 596.200.000đ, còn lại là: Hỗ trợ khác, bồi thường tài sản, vật, kiến trúc, cây cối, hoa màu trên đất.

Như vậy việc UBND huyện ban hành Quyết định thu hồi 271 m² đất và ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường chi tiết cho hộ bà Hồ Thị B để xây dựng công trình đường A - Đường L, thị trấn E, huyện E là đã thực hiện theo trình tự thủ tục quy định và được thực hiện trên cơ sở kết quả kê khai, kiểm đếm, tính toán lập phương án bồi thường của Trung tâm phát triển quỹ đất E cũng như kết quả thẩm định phương án của Hội đồng thẩm định. Sau khi phương án bồi thường chi tiết cho hộ bà Hồ Thị B được phê duyệt, UBND huyện E đã giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất thực hiện việc chi trả tiền bồi thường cho bà B theo quy định,

Ông Đinh Tiến D1 là người đại diện của Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E và là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện E trình bày:

Theo bản án số 62/2008/DSPT ngày 18/4/2008 của Tòa án nhân dân Tối cao tại Đà Nẵng (bản án số 62) thì bà B được quyền sử dụng 776,49m² đất, sau khi trừ đi lộ giới còn 504m², có tứ cận Phía Đông giáp đường A 42m. Như vậy nếu theo quyết định số 199/QĐ-UB ngày 01/2/2005 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch xây dựng thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk và bản đồ quy hoạch hệ thống giao thông kèm theo thì đoạn đường A quy hoạch loại đường 2/2 rộng 20,5m đã được cấp thẩm quyền phê duyệt. Lộ giới giao thông theo quy hoạch từ tim đường vào rộng 10,25m, phần đất nằm trong hành lang thuộc đất của hộ bà B theo bản án số 62 là $776,49\text{m}^2 - 504\text{m}^2 = 272,49\text{m}^2$. Việc ban hành quyết định thu hồi đất của bà B căn cứ vào kết quả đo đạc thực địa và bản đồ địa chính phục vụ công tác Bồi thường, giải phóng mặt bằng do đơn vị tư vấn lập đã được Sở Tài Nguyên và Môi Trường kiểm tra, nghiệm thu theo quy định. Diện tích thu hồi của hộ bà B 271m² là đúng với bản án số 62. Diện tích 1,49m² còn lại nằm tại hành lang đường Đ2 nhà nước chưa thu hồi, chưa bồi thường. Do đó, bà B cho rằng diện tích đất thực tế của bà bị thu hồi 320,7m² là không có căn cứ để chấp nhận.

Về giá đất bồi thường áp dụng để xây dựng phương án là giá đất quy định tại quyết định số 01/2012/QĐ-UBND ngày 12/01/2012 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Giá đất đường A khu vực nhà bà B thuộc đoạn đường từ N1 đến Y giá 2.000.000 đồng/m² x 1,1 lần = 2.200.000đ/m². Việc áp giá đất như trên để xây

dự phương án bồi thường giải phóng mặt bằng cho hộ bà B tại thời điểm năm 2012 là đúng quy định của pháp luật. Bà B cho rằng UBND huyện phê duyệt Phương án bồi thường 2.200.000đ/m² là không thỏa đáng là không có căn cứ.

Đối với việc nhà nước không bồi thường căn nhà 113,6m² và 130 tấm ván cấm xe: Ngày 25/10/2009 UBND huyện E có thông báo số 22/TB-UBND về việc không lấn chiếm, coi nói và làm mới các công trình vào phạm vi giải tỏa để làm đường L và đường A. Lúc 8 giờ 30 phút ngày 15/10/2009 UBND thị trấn E lập biên bản hộ gia đình bà B đang xây dựng khung cột nhà gỗ tạm dài 12,59m, rộng 4,4m, cột phía ngoài giáp đường A đến tim đường là 10,9m (nằm ngoài biên bồi thường đường A 10,25m) có sơ đồ bản vẽ kèm theo. Trong biên bản cũng ghi rõ yêu cầu hộ bà B không được xây dựng lấn ra diện tích đất quy hoạch đã được phê duyệt, biên bản trên còn có sơ đồ xây dựng nhà. Tuy nhiên, năm 2010 Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng lập biên bản kiểm đếm thì ngôi nhà trên đã xây dựng xong có coi nói, lấn chiếm lề đường Âu Cơ. Theo quy định của pháp luật thì việc lấn chiếm xây dựng mới, vật kiến trúc sau khi quy hoạch xây dựng chi tiết đã công bố (Quyết định 199/QĐ-UBND ngày 01/2/2005 của UBND tỉnh Đắk Lắk) hoặc thông báo thu hồi đất ngày 25/10/2009 UBND thị trấn E thì không được bồi thường. Như vậy việc không bồi thường nhà gỗ tạm 113,6m² của hộ bà B là đúng quy định pháp luật. Đối với 130 tấm ván cấm xe lót nền không được bồi thường: Theo biên bản ngày 26/9/2011 do các phòng ban chức năng, UBND thị trấn E và hộ gia đình lập không phải là gỗ cấm xe như bà B trình bày mà đây là gỗ bìa nhóm 4 dày bình quân 3cm chiều dài toàn khu vực được lót 18m, chiều rộng 2,8m. Theo quy định thì đây không phải là tài sản cố định trên đất, khi thu hồi thì gia đình tự thu hồi, tái sử dụng tương tự như hàng rào B40 chỉ bồi thường phần trụ còn phần lưới không thu hồi nên không được bồi thường.

Hồ sơ bồi thường giải phóng mặt bằng được Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng bắt đầu thiết lập năm 2010. Ngày 21/11/2011 UBND huyện ban hành Quyết định 2367/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ bà B. Tuy nhiên do năm 2011, UBND tỉnh chưa bố trí kinh phí chi trả, năm 2012 UBND huyện chỉ đạo xây dựng lại phương án bồi thường giải phóng mặt bằng đối với 49 hộ dân. Ngày 26/7/2012, UBND huyện ban hành Quyết định số 1376/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án đối với 49 hộ dân trên để làm cơ sở trình UBND tỉnh xin kinh phí giải ngân cho các hộ có đất bị thu hồi. Do UBND tỉnh chưa bố trí được kinh phí chi trả cho các hộ dân có đất bị thu hồi nên tháng 5/2016, UBND huyện trình UBND tỉnh cho phép ứng vốn từ quỹ phát triển đất tỉnh Đắk Lắk. Ngày 29/6/2016 Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ phát triển đất tỉnh ban hành Quyết định số 31/QĐ-HĐQL cho UBND huyện E ứng 7.617.080.000đ để chi trả tiền bồi thường cho 49 hộ dân có đất bị thu hồi theo Quyết định 1376/QĐ-

UBND ngày 26/7/2012 của UBND huyện E. 47/49 hộ dân đã tự nguyện nhận tiền theo đơn giá năm 2012 và có cam kết không khiếu nại liên quan đến bồi thường giải phóng mặt bằng. Hộ bà B không đồng ý nhận tiền, mặc dù đã được cơ quan chức năng và UBND huyện mời để vận động, giải thích, thuyết phục nhiều lần. Như vậy, việc bà B cho rằng gia đình bà chưa nhận được tiền bồi thường là do từ năm 2012 đến tháng 6/2016 UBND tỉnh không bố trí kinh phí để chi trả. Từ tháng 6/2016 đến nay UBND huyện đã nhiều lần mời để vận động, giải thích, thuyết phục nhưng hộ bà B không nhận tiền bồi thường. Hiện nay chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E đã trả lại tiền bồi thường cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk. Nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu chi trả tiền lãi chậm trả tiền bồi thường của hộ bà B.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 22/2018/HC-ST ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 358 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 38, Điều 42, Điều 44 Luật Đất đai năm 2003; từ Điều 49 đến Điều 58 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi và giải quyết khiếu nại về đất đai; Điều 93 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị B.

Buộc UBND huyện E và Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E thực hiện việc chi trả 740.837.000 đồng tiền bồi thường cho bà Hồ Thị B theo Quyết định 1376/QĐ-UBND ngày 26/7/2012 của UBND huyện E về việc phê duyệt phương án bồi thường chi tiết đối với 49 hộ có đất thu hồi để xây dựng đường A- Đường L.

Buộc UBND huyện E phải thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế tính trên số tiền 740.837.000 đồng, tính từ ngày 27/7/2012 cho đến ngày 30/6/2016 cho bà Hồ Thị B.

Không chấp nhận một phần khởi kiện của bà Hồ Thị B về yêu cầu UBND huyện E chi trả tiền lãi chậm trả trên số tiền bồi thường kể từ tháng 7 năm 2016.

Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị B về việc yêu cầu hủy Quyết định 2367/QĐ-UBND ngày 21/11/2011 của UBND huyện E.

Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị B về việc yêu

cầu hủy Quyết định 1376/QĐ-UBND ngày 26/7/2012 của UBND huyện E về việc phê duyệt phương án bồi thường chi tiết đối với 49 hộ có đất thu hồi để xây dựng đường Âu Cơ - Đường L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quy định về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/7/2018 người khởi kiện bà Hồ Thị B kháng cáo toàn bộ Bản án Hành chính sơ thẩm số 22/2018/HC-ST ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 20/7/2018 Người bị kiện UBND huyện E kháng cáo 1 phần bản án sơ thẩm số 22/2018/HC-ST ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Về nội dung *“Buộc UBND huyện E phải thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế tính trên số tiền 740.837.000 đồng, tính từ ngày 27/7/2012 cho đến ngày 30/6/2016 cho bà Hồ Thị B”* là không đúng quy định của pháp luật, vì tại phiên tòa tuyên đọc không có phần này, nhưng khi nhận bản án thì có ghi, việc áp dụng luật đất đai 2013 là không đúng, mà phải áp dụng luật đất đai 2003.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại. Đồng thời bổ sung thêm nội dung kháng cáo:

1/ Yêu cầu UBND huyện E ban hành quyết định thu hồi đất bổ sung đối với diện tích đất đã thu hồi nhưng chưa có Quyết định là 185,95m². Bởi lẽ tổng diện tích đất của bà thực tế đang sử dụng là 1.309,1m² (26,5 x 49,4), hiện nay đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 688m², ngoài ra đang làm thủ tục cấp bổ sung 29m². Theo như thẩm định của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thì diện tích đất của bà bị ảnh hưởng bởi dự án là 456,95m².

2/ Yêu cầu bồi thường cho bà theo giá đất thị trường mà bà đã chuyển nhượng là 12.500.000đ/m², vì hiện nay thị trấn E đã lên đô thị loại 5 có giá đất là 15.000.000đ/m².

3/ Phải khẳng định lại là các cơ quan chức năng của huyện không giao Quyết định 2367/QĐ-UBND ngày 21/11/2011 của UBND huyện E và Quyết định 1376/QĐ-UBND ngày 26/7/2012 của UBND huyện E cho bà, mà sau này khi ra Tòa án sơ thẩm bà mới được photo tại hồ sơ vụ án. Do vậy bà cho rằng việc ban hành và giao nhận các quyết định là không đúng trình tự pháp luật quy định, nên bà đã khởi kiện yêu cầu hủy cả hai quyết định trên..

Người bị kiện, đại diện UBND huyện E giữ nguyên kháng cáo và quan điểm như tại phiên tòa sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người

khởi kiện, riêng yêu cầu sửa bản án phần nội dung “*Buộc UBND huyện E phải thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế tính trên số tiền 740.837.000 đồng, tính từ ngày 27/7/2012 cho đến ngày 30/6/2016 cho bà Hồ Thị B*” là không đúng quy định của pháp luật. Vì tại phiên tòa khi tuyên án không đọc nội dung này, nhưng khi nhận bản án thì thấy có ghi nội dung này. Hơn nữa Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng luật đất đai năm 2013 để giải quyết là không đúng pháp luật.

Người bị kiện, đại diện Chi nhánh trung tâm phát triển quỹ đất huyện E thống nhất như đại diện UBND huyện E.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành đúng quy định về tố tụng. Án sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án hành chính đúng trình tự, thủ tục. Về nội dung: Bản án đã áp dụng luật 2013 để xét xử là không đúng, còn nhiều mâu thuẫn nhưng chưa thu thập chứng cứ để làm rõ, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, căn cứ khoản 3 Điều 241 Bộ luật tố tụng hành chính hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự, người bảo vệ quyền lợi cho người bị kiện và đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu và kháng cáo của bà Hồ Thị B, thì thấy:

[1.1] Ngày 25/02/2009 UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành quyết định 429/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Mở rộng nâng cấp đường A - Đường L, thị trấn E. Trên cơ sở đó UBND huyện E đã giao các cơ quan có thẩm quyền thực hiện công tác thu hồi, bồi thường giải phóng mặt bằng để thi công công trình. Ngày 25/10/2009, UBND thị trấn E ban hành Thông báo số 22/TB-UBND về việc không lấn chiếm, coi nói và làm mới các công trình vào phạm vi giải tỏa để làm đường L và Đường A, thị trấn E, huyện E. Ngày 02/6/2010, hộ bà Hồ Thị B lập bản tự kê khai đất đai, vật, kiến trúc, cây cối, hoa màu trên đất thu hồi để xây dựng công trình đường A - Đường L, thị trấn E, huyện E. Ngày 05/9/2011, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E (nay là Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E) và các cơ quan chức năng đã phối hợp với hộ bà Hồ Thị B lập biên bản phúc tra về đất đai, vật, kiến trúc, cây cối, hoa màu trên đất để xây dựng công trình đường A - Đường L, thị trấn E, huyện E. Trên cơ sở đó ngày 21/11/2011, UBND huyện E ban hành Quyết định 2367/QĐ-UBND về việc thu hồi 271 m² tại thửa đất số 19 tờ bản đồ số 02 (kèm

theo bản đồ địa chính bồi thường giải phóng mặt bằng của hộ bà Hồ Thị B để xây dựng Công trình đường A - Đường L, thị trấn E, huyện E) và ngày 26/7/2012, UBND huyện E ban hành quyết định 1376/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường chi tiết của 49 hộ có đất bị thu hồi để xây dựng công trình đường A - Đường L, thị trấn E, huyện E. Xét thấy tại hồ sơ thể hiện biên bản kiểm tra thực địa ngày 19/11/2010 cơ quan chức năng phúc tra thực địa thu hồi của hộ bà B 320,7m² đất, nhưng chỉ bồi thường cho bà 271m², còn thiếu 49,7², cấp sơ thẩm chấp nhận theo yêu cầu của Người bị kiện rằng bà hộ bà B có quyền sử dụng 776,49m², trừ lộ giới 272,49m², nên chỉ còn sử dụng 504m². Tuy nhiên sau khi có phương án bồi thường:

Ngày 17/3/2013, bà B lập thủ tục chuyển nhượng cho vợ chồng ông Vũ Văn Năm bà Đoàn Thị Thương 85m² đất với giá 250.000.000đ (tương đương 3.000.000đ/m²). Năm 2016 chuyển nhượng 4m² đất với giá 50.000.000đ (tương đương 12.500.000đ/m²). Ngày 29.6.2018 Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thẩm định đất của bà B có diện tích là 1.295m², trong đó có 439m² đất ảnh hưởng dự án đường A.

Ngày 16/3/2016 UBND huyện E đã làm thủ tục cấp lại GCNQSDĐ số BQ 891995 cho bà B cũng tại vị trí bà đang sử dụng là 628m², có số thửa 49, tờ bản đồ số 5. Như vậy, nếu tính luôn cả diện tích đất chưa chuyển nhượng cho ông Năm bà Thương hai lần là 89m²; Đất ảnh hưởng dự án là 439m²; Đất đang lập thủ tục bổ sung và cấp Giấy CNQSDĐ là 29m², thì tổng cộng diện tích là 1.185m², chứ không phải là 776,49m², như Người bị kiện xác nhận, diện tích đất này cấp sơ thẩm chưa làm rõ là vị trí ở đâu, có phần nào nằm trong diện tích đất thu hồi như bà yêu cầu là 320,7m² hay không nhưng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B liên quan đến diện tích đất bị ảnh hưởng thực tế bởi dự án là chưa thuyết phục.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện người bị kiện thừa nhận là khi ban hành Quyết định 2367/QĐ-UBND ngày 21/11/2011 về việc thu hồi đất và Quyết định 1376/QĐ-UBND ngày 26/7/2012 về việc phê duyệt phương án bồi thường, các cơ quan chức năng ở huyện không giao các quyết định trên cho bà Hồ Thị B, vì theo quy định chung là người bị thu hồi đất nào cũng vậy, chứ không riêng gì bà Hồ Thị B.

[1.2] Xét về giá đất bồi thường, UBND huyện E áp dụng giá đất quy định tại quyết định số 01/2012/QĐ-UBND ngày 12/01/2012 của UBND tỉnh Đắk Lắk tại đường A khu vực nhà bà B thuộc đoạn đường từ N1 đến Y giá 2.000.000 đồng/m² x 1,1 lần = 2.200.000đ/m². Việc áp giá đất như trên để xây dựng phương án bồi thường giải phóng mặt bằng cho hộ bà B tại thời điểm năm 2012 là đúng quy định tại thời điểm đó. Bà B cho rằng UBND huyện E phê duyệt

phương án bồi thường 2.200.000đ/m² là không thỏa đáng mà phải áp giá theo giá đất ở đô thị loại 5 với giá 15.000.000đ/m². Xét thấy, việc bồi thường cho bà B tại thời điểm hiện nay nhưng tính theo giá đất năm 2012 trong khi lỗi chậm trả tiền không phải do bà B gây ra là không phù hợp. Mặc khác tại Công văn số 97, ngày 06/6/2016 Chi cục thuế huyện E đề nghị Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện E căn cứ vào Quyết định 43, ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk tính giá đất cho bà B là 2.760.000đ/m²

[1.3] Xét về yêu cầu chi trả tiền lãi chậm trả tiền bồi thường của hộ bà B, thì thấy: khoản 1 Điều 58 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 quy định: *"Sau năm (05) ngày, kể từ ngày gửi văn bản thông báo về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đến người có đất bị thu hồi, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ..."* Như vậy cấp sơ thẩm xem xét từ ngày 27/7/2012 cho đến ngày 30/6/2016 là không có cơ sở, mà phải xem xét từ sau 05 ngày kể gửi thông báo bồi thường cho đến nay mới đảm bảo được quyền lợi cho người bị thu hồi đất. Cấp sơ thẩm cho rằng tiền lãi chậm trả từ ngày 30/6/2016 cho đến nay không được chấp nhận, là do hộ Bà B không chịu nhận tiền, tuy nhiên tại biên bản ngày 14/8/2017 do Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E lập, bà B yêu cầu tạm nhận tiền, thì cơ quan chức năng lại buộc bà B nếu nhận tiền thì phải cam kết không khiếu nại là không đúng pháp luật, hạn chế quyền dân chủ của công dân, vì việc khiếu nại của người dân là quyền được hiến pháp quy định, cơ quan nhà nước có trách nhiệm thụ lý giải quyết cho người dân, nên việc không nhận tiền bồi thường không phải là lỗi của người được bồi thường.

Mặt khác, Tại khoản 6 Điều 210 Luật đất đai năm 2013 thì *"Đối với những dự án, hạng mục đã chi trả xong bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì không áp dụng theo quy định của Luật này. Trường hợp những dự án, hạng mục đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án đã được phê duyệt trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo phương án đã phê duyệt, không áp dụng theo quy định của Luật này"*.

Như vậy cấp sơ thẩm áp dụng luật đất đai năm 2013 để giải quyết là không đúng, trong trường hợp này phải áp dụng Điều luật chuyển tiếp của luật năm 2013 dẫn chiếu luật năm 2003 mới có căn cứ.

Điều b khoản 4 Điều 58 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 dẫn chiếu đến Khoản 2, Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 quy định: *"Bồi thường chậm do cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường gây ra mà giá đất tại thời điểm bồi thường do ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố cao hơn giá*

đất tại thời điểm có quyết định thu hồi thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm trả tiền bồi thường; nếu giá đất tại thời điểm bồi thường thấp hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi."

Như đã phân tích việc trả tiền bồi thường chậm do lỗi hoàn toàn của người bị kiện, do vậy nay phải trả theo quyết định mới nhất của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành, tuy nhiên cấp sơ thẩm không thu thập các quyết định trên để đảm bảo quyền lợi cho người bị thu hồi đất.

[2] Xét kháng cáo của UBND huyện E về nội dung *Buộc UBND huyện E phải thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế tính trên số tiền 740.837.000 đồng, tính từ ngày 27/7/2012 cho đến ngày 30/6/2016 cho bà Hồ Thị B.*

Qua phân tích tại điểm [1.2] và [1.3] thì thấy UBND huyện E không chủ động chuẩn bị kinh phí để bồi thường khi thu hồi đất của dân, nên lỗi này hoàn toàn thuộc về UBND huyện E và Chi nhánh trung tâm phát triển quỹ đất huyện E, nên phải bồi thường và tính tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế đến thời điểm nhận bồi thường. Mặt khác, người bị kiện khai nại nội dung trên không được tuyên án nhưng lại ghi trong bản án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Do vậy, HĐXX sẽ xem xét và chấp nhận một phần kháng cáo của người bị kiện.

[3] Từ những phân tích và nhận định trên đây, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bác một số yêu cầu khởi kiện và chấp nhận một số yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị B là chưa có cơ sở vững chắc, còn nhiều thiếu sót về thu thập và đánh giá chứng cứ. Những thiếu sót trên, cấp phúc thẩm không thể khắc phục tại phiên tòa, đồng thời Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa, chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Hồ Thị B, chấp nhận một phần kháng cáo của người bị kiện UBND huyện E hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ lại cho TAND tỉnh Đắk Lắk xét xử lại theo đúng quy định pháp luật.

[4] Do bản án bị hủy, nên bà Hồ Thị B và UBND huyện E không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1/ Chấp nhận kháng cáo của bà Hồ Thị B; Chấp nhận một phần kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk, hủy bản án sơ thẩm số 22/2018/HC-ST ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2/ Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử lại theo đúng quy định pháp luật.

3/ Về án phí hành chính:

Bà Hồ Thị B và Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, hoàn lại cho bà Ban 300.000đ tiền tạm ứng theo biên lai thu số 9172 ngày 20/7/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk, hoàn lại cho Ủy ban nhân dân huyện E 300.000đ tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo biên lai thu số 9179 ngày 27/7/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (09/5/2019).

Nơi nhận:

- TAND Tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng(1);
- TAND tỉnh Đắk Lắk (1);
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (1);
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk (1);
- Những người tham gia tố tụng (6);
- Lưu hồ sơ (1), án văn (1), văn phòng (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Trường